

VIỆC PHÂN XUẤT MỤC TỪ VÀ XỬ LÝ MỤC TỪ TRONG TỪ ĐIỂN SONG NGỮ VIỆT-KHMER, KHMER-VIỆT

BUILDING HEADWORD LIST AND PLANNING ENTRY IN VIETNAMESE - KHMER, KHMER - VIETNAMESE BILINGUAL DICTIONARIES

Thạch Sê Ha¹

Tóm tắt – Cấu trúc vĩ mô và cấu trúc vi mô là hai cấu trúc sống của từ điển, theo đó việc phân xuất và xử lý từng đầu mục từ đòi hỏi phải được thực hiện một cách logic và mang tính hệ thống. Kế thừa thành công của những công trình đi trước, khắc phục những mặt tồn tại cũng như dựa trên những nét đặc thù về từ vựng của hai ngôn ngữ Khmer, Việt, bài viết đề cập đến một số vấn đề liên quan đến việc chọn và xử lý các mục từ trong từ điển song ngữ dựa trên điều kiện thực tế về dung lượng, đối tượng, mục đích và quỹ thời gian biên soạn từ điển.

Từ khóa: từ điển song ngữ Khmer-Việt, Việt-Khmer, phân xuất mục từ, xử lý mục từ.

Abstract – Macrostructure and microstructure are the backbones of a dictionary, by which the processes of compiling headwords and planning a dictionary entry have to be conducted systematically. By adaptingsignificant remarksfrom previous works and modifying some limitations of the existing Khmer - Vietnamese bilingual dictionaries, this article aims at pinpointing some issues related to compiling bilingual entry on the basis of Khmer and Vietnamese linguistic features as well as its purposes, audiences, space and compiling time bound.

Keywords: Khmer - Vietnamese and Vietnamese - Khmer bilingual dictionary, building headwords, planning entry.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Từ việc định hình cho đến khi quyền từ điển được xuất bản phải trải qua nhiều công đoạn kỳ

công và phức tạp, bởi các công đoạn của từ điển không chỉ là những vấn đề như xây dựng bảng từ, lời định nghĩa, cách đưa thí dụ, cách chú giải về từ loại, về phong cách,... mà hơn thế nữa đó là cả một quá trình sáng tạo trong ngôn ngữ. Mặt khác, công việc đầu tiên và cũng là công việc khó khăn nhất đó là việc định hình cấu trúc chính thể và kết cấu của từng mục từ tức cấu trúc vĩ mô (macrostructure) và cấu trúc vi mô (microstructure) của từ điển.

Hai cấu trúc vĩ mô và vi mô của từ điển xoắn bện vào nhau và quyết định đến sự thành, bại của việc biên soạn từ điển. Hai cấu trúc này chịu sự chi phối của nhiều yếu tố, trong đó phải kể đến là việc xác định loại hình, mục đích và đối tượng hướng tới của từ điển. Từ đó, thực hiện các điều chỉnh cấu trúc tổng thể sao cho phù hợp nhất.

Thực tế cho thấy rằng, các quyền từ điển Việt - Khmer, Khmer - Việt đã được xuất bản trong thời gian qua, bên cạnh những điểm ưu việt thì vẫn tồn tại những hạn chế nhất định. Cụ thể chính là hai cấu trúc "sống" của từ điển như vừa nêu. Do vậy, việc xác định cách xử lý các mục từ cũng như việc phân xuất các mục từ trong cấu trúc chính thể của từ điển là điều cần thiết.

II. THỰC TRẠNG CÁC QUYỀN TỪ ĐIỂN SONG NGỮ VIỆT - KHMER, KHMER - VIỆT

Kết quả thống kê cho thấy, hầu hết các từ điển tập trung phục vụ cho việc hỗ trợ học tập và giao tiếp. Xét về dung lượng từ thì đa số các từ điển đã được xuất bản đều là những từ điển thuộc cỡ nhỏ thậm chí là rất nhỏ, lượng từ thống kê chưa nhiều và đa phần là các từ thông dụng. Chẳng hạn như quyền Từ điển Việt - Khmer [1], từ điển Khmer - Việt [2] do tác giả Trần Thanh Pôn chủ biên với dung lượng khoảng hơn 5.000 từ;

¹Khoa Ngôn ngữ - Văn hóa - Nghệ thuật Khmer Nam Bộ, Trường Đại học Trà Vinh

Ngày nhận bài: 16/03/17, Ngày nhận kết quả bình duyệt: 7/4/17, Ngày chấp nhận đăng: 20/4/17

quyển từ điển Việt-Khmer do tác giả Sơn Phước Hoan chủ biên cũng nằm trong tình hình tương tự với dung lượng khoảng hơn 12.000 từ. Trong khi một số từ điển song ngữ Việt-Ngoại ngữ hay Ngoại ngữ-Việt thường có dung lượng mục từ từ 30.000 đơn vị trở lên (ví dụ: Từ điển Anh-Việt của Lê Khả Kế - nhà xuất bản Khoa học xã hội, 1997 có 350.000 từ; quyển từ điển Anh-Việt của Nguyễn Trọng Hiệp - nhà xuất bản thế giới, 1995 có 35.000 từ). Trong các quyển từ điển này, đơn vị mục từ bao gồm cả các đơn vị lớn hơn từ như cụm từ, có khi là câu.

Lựa chọn một hướng đi khác, công trình Từ điển Việt-Khmer, Khmer-Việt (NXB Khoa học xã hội, 1977) của tác giả Hoàng Học có số lượng từ phong phú hơn (khoảng hơn 23.000 mục từ), linh hoạt các ví dụ minh họa, tận dụng tối đa các cụm từ, ngữ cố định làm tăng thêm hiệu quả sử dụng từ điển. Tuy nhiên, tác giả chưa đầu tư cho cấu trúc vĩ mô. Bên cạnh đó, lượng từ cố chiếm tỉ lệ rất lớn. Trường hợp cũng hoàn toàn dễ hiểu, bởi quyển từ điển này ra đời khá lâu, lượng từ mới của tiếng Khmer thời kỳ đó cũng chưa nhiều đặc biệt là các từ khoa học, y tế, chính trị,...

Quyển Từ vựng Khmer-Việt [3], Việt-Khmer [4] có số mục từ khoảng 16.000 (kể cả các mục từ làm ví dụ) của tác giả Ngô Chân Lý. Mặc dù tác giả đã cập nhật một lượng từ mới nhất định thuộc nhiều lĩnh vực nhưng xét về tổng thể chưa có sự thống nhất trong việc chọn và phân xuất mục từ. Chính vì thế đã làm mờ đi tính hệ thống, bộc lộ rõ tính thiếu nhất quán trong cách xử lý của toàn bộ cấu trúc chỉnh thể của từ điển, tạo nên sự không cân đối giữa các vị thế các mục từ xét trên bình diện ngữ nghĩa, cấu trúc và chức năng của chúng. Điều này có thể lý giải rằng do trong quá trình biên soạn, tác giả đã bỏ ngoài tầm mắt nhiều đơn vị mục từ thực ra có đủ tư cách được thu thập như một từ. Chúng lại được gộp chung một gốc từ như những ví dụ minh họa cho gốc từ chính. Tựu trung, các từ điển Việt-Khmer, Khmer-Việt hiện nay vẫn còn một số điểm tồn tại đáng lưu ý sau:

- Chú trọng thu thập các đơn vị từ ngữ cơ bản, thông dụng, ít hoặc chưa cập nhật những đơn vị từ mới.
- Cách xử lý cấu trúc vĩ mô chưa chú ý đến thông tin về từ.
- Không cập nhật các nghĩa mới của các từ cổ

như nghĩa phái sinh, chưa cập nhật các từ theo phương thức cấu tạo tất.

- Chưa đa dạng hóa mục từ, thiếu nhất quán trong phân xuất mục từ.

III. MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG TRONG VIỆC PHÂN XUẤT VÀ XỬ LÝ MỤC TỪ

Kế thừa những thành công, những điểm mạnh của các từ điển đã xuất bản, cũng như dựa vào những nét đặc trưng về từ vựng của tiếng Khmer và tiếng Việt, chúng tôi có một số định hướng sau:

Ở góc độ cấu trúc vĩ mô hay cấu trúc chỉnh thể của từ điển

Cấu trúc vĩ mô của từ điển được hiểu là tổng thể các mục từ được sắp xếp theo một trật tự nhất định nào đó. Khi xem xét cấu trúc vĩ mô của từ điển, người ta thường quan tâm đến các nội dung như: số lượng mục từ, đặc điểm của các đơn vị mục từ được chọn và trật tự sắp xếp của chúng. Nhằm góp phần hoàn thiện hơn cho những công trình biên soạn về sau, thông qua những thực trạng như vừa trình bày ở trên, cần chú ý một số giải pháp sau:

- Chỉ nên chọn các đơn vị là từ và tương đương với từ để xây dựng đầu mục từ nhất là các tổ hợp tự do kiểu như *con bá con dì, con chú con bác, con dì con già, con bé con bông* [5, tr. 419-421] trong quyển từ điển Việt-Khmer tập 1 của Hoàng Học.

- Tránh gộp một số các mục từ vốn dĩ có đủ tư cách như một từ, bởi xử lý như thế dễ dẫn đến không nhất quán trong cách xử lý khi biên soạn các mục từ có cùng cấu trúc tương tự, làm giảm đi đáng kể lượng từ của từ điển. Ví dụ, trong từ điển Việt-Khmer tập 2 của tác giả Hoàng Học [5, tr. 1405] trong mục từ Tá, đưa từ *Thiếu tá, Trung tá, Đại tá* như một ví dụ minh họa, trong khi chúng đủ tư cách đứng độc lập thành một mục từ riêng vì có tính định danh rất rõ rệt.

- Khi đã có những quyển từ điển tương giải (từ điển đơn ngữ dùng để tham khảo) được xem là hoàn chỉnh nhất thì trong quá trình đối chiếu cấu trúc ngữ nghĩa giữa các đơn vị trong ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích, đòi hỏi phải có sự điều chỉnh nhất định ở cấu trúc vĩ mô của ngôn ngữ nguồn qua lăng kính của ngôn ngữ đích để đạt đến sự đồng nhất [6]. Việc xây dựng bảng từ không đơn thuần chỉ là việc sao chép

ràng là không hề đơn giản bởi nếu chúng ta cố gắng chuyển dịch từng thành tố một sau đó ghép chúng lại với nhau để được tổ hợp từ có nghĩa đầy đủ (đối với tiếng Việt) là đút + cốm dẹp thì nó lại mất đi nét nghĩa đặc trưng của đơn vị từ này trong tiếng Khmer.

- Mặt khác, trong tiếng Khmer có rất nhiều từ mang dáng dấp của tôn giáo, đặc biệt là các từ có nguồn gốc từ Bà-la-môn giáo. Trong tình huống này, vấn đề chuyển dịch vẫn còn là một ẩn số đòi hỏi chúng ta phải có những thống nhất chung trước khi bắt tay vào việc biên soạn từ điển. Thực tế cho thấy, một số loại vật dụng thường hay xuất hiện trong các buổi lễ truyền thống như ប៊ាឃីស៊ី ប៊ាឆាម ស្ត្រាធិមី,...Rõ ràng, khó có thể tìm được từ tương đương trong tiếng Việt, vậy nên ta sẽ xử lý như thế nào? Phiên âm, miêu tả hay chú thích hình ảnh? Và một giải pháp được xem là an toàn và hiệu quả nhất đó là có thể lựa chọn cả ba cách xử lý trên, tức vừa phiên âm kết hợp với miêu tả và kèm theo hình ảnh minh họa. Có như thế, nội dung của mục từ truyền tải cho độc giả được trực quan hơn, dễ ghi nhớ hơn.

- Đối với các nghĩa của từ đa nghĩa, để tiện việc tra cứu thì đưa chúng vào trong cùng một mục từ theo nguyên tắc nghĩa gốc xếp trước; nghĩa bóng, nghĩa phái sinh xếp sau và được đánh dấu bằng ký hiệu số. Làm như thế, một mặt tạo điều kiện thuận lợi cho việc tra cứu, mặt khác giúp khai thác nghĩa của các từ được tối đa hơn, tối giản hóa được cấu trúc vĩ mô của từ điển. Đi đầu theo xu hướng này là quyển từ điển Việt - Khmer (2004) do Sơn Phước Hoan chủ biên [10].

- Với đặc trưng về từ vựng của tiếng Khmer, một số đơn vị từ vựng chỉ số lượng hay các đơn vị từ dùng để hỏi về động vật như កូន វា ក្បាល (từ này cũng dùng để chỉ số lượng của sách vở) khi chuyển dịch sang tiếng Việt đều có nghĩa là con. Tuy nhiên, chúng ta xử lý như thế nào để tránh những chuyển di tiêu cực đáng tiếc như: Khi nhìn thấy một bầy trâu đang đi thì hỏi: ហ្នឹងក្របីនោះប្រហែលប៉ុន្មានកូន? (Bầy trâu đằng kia có khoảng bao nhiêu con?) mà đáng lẽ ra phải hỏi là ហ្នឹងក្របីនោះប្រហែលប៉ុន្មានក្បាល? Hay trường hợp chỉ số lượng căn nhà (ខ្នង) và nhà (ផ្ទះ) cũng tương tự. Trường hợp này, trong từ điển Việt - Khmer của tác giả Hoàng

Học xử lý rất thông minh, tác giả gộp chung những nét nghĩa này trong cùng một mục từ và sau từng nghĩa đều có chú giải trong ngoặc đơn [5, tr. 419].

- Đối với những lớp từ có nội dung ngữ nghĩa phức tạp, phản ánh tâm trạng, tình cảm, tính cách, hoạt động tư duy trừu tượng, chúng nên được định nghĩa bằng nhiều đơn vị tương đương trong ngôn ngữ đích. Có như thế, những đơn vị từ trong ngôn ngữ đích này mới phát huy hiệu quả trong việc hỗ trợ cho nhau nhằm biểu đạt một cách chính xác về ngữ nghĩa, và chúng cần được sắp xếp theo trình tự từ mức độ tích hợp nghĩa chung cao nhất đến giảm dần. Ví dụ: từ *phấn chấn* được miêu tả với các nghĩa សោមនស្សរីករាយចំរើនដៃលសម្បូណ៌ឡើង [5, tr. 1267]; hay từ *bồn chồn* gồm các miêu tả អន្ទះអន្ទែងក្រហល់ក្រហាយ. Cấu trúc mục từ ở đây được phân định rõ ràng từng mục khi mục từ cung cấp nhiều phương án tương ứng đối dịch bằng nhiều từ loại và cụm từ, phản ánh sự phức tạp của tâm trạng con người. Giá trị của cách làm này là sẽ giúp cho người sử dụng lựa chọn phương tiện phù hợp cho từng tình huống giao tiếp.

- Các ví dụ minh họa là một trong những phần đóng vai trò hết sức quan trọng, bởi nó không chỉ giúp người sử dụng từ điển hiểu sâu và chính xác hơn từng nét nghĩa của từ mà nó còn giúp người đọc phần nào tái tạo và sử dụng một cách chính xác từng nét nghĩa trong ngữ cảnh cụ thể và đây mới thật sự là chức năng chính mà từ điển song ngữ cần có: Giúp người đọc hiểu được ngôn ngữ đích và giúp người đọc tái tạo (nói và phần nào viết) được ngôn ngữ đích. Vì thế, các ví dụ minh họa cần phải:

+ Chỉ nên là các cụm từ hoặc các câu ngắn, tránh trích dẫn những câu quá dài. Chẳng hạn trong mục từ *chúng* đưa ví dụ minh họa rất dài: *Bọn để quốc tham lam vô hạn, chúng muốn chiếm thị trường khắp mọi nơi* [5, tr. 386], trong khi đó đối với mục từ này chúng ta chỉ cần lấy ví dụ đơn giản như *Nhìn chúng có vẻ rất hung tợn* và kèm theo lời dịch là đủ.

+ Mỗi nghĩa cần có những ví dụ điển hình, tránh trùng lặp. Ví dụ từ ត្រូវ (bị) không nên đưa quá nhiều từ đồng dạng như ត្រូវទោស (bị tội), ត្រូវគេចាប់ (bị họ bắt), ត្រូវចោរប្លន់ (bị ăn cướp), ត្រូវវរបូស (bị thương),

ត្រូវរំពាត់ (bị đôn) [9, tr. 302].

+ Khác với từ điển đơn ngữ, việc chỉ ra khả năng kết hợp của các đơn vị mục từ trong từ điển song ngữ là rất quan trọng. Bởi, trong nhiều trường hợp đặc biệt là những đơn vị từ chỉ màu sắc hay cảm xúc, nếu chúng ta không đưa nhiều ví dụ minh họa chỉ khả năng kết hợp của các đơn vị mục từ, thì người sử dụng từ điển khó có thể hiểu được hết nội hàm của ngôn ngữ gốc. Thí dụ, người Khmer sẽ dễ cảm nhận được ý không hay, ý hay của các từ chỉ màu trắng như: ស្រីស្រស់ សម្បជ្ជប្រផ្នែក ស្រូវផង ផង ស្រី ស្រស់ ផង ស្រស់ ស្រីស្រស់ ស្រីស្រស់ ស្រីស្រស់ ស្រីស្រស់ ស្រីស្រស់ ស្រីស្រស់ và những danh từ chúng thường kết hợp, nhưng đối với người Kinh hay người nước ngoài thì rất khó có thể cảm thụ được hết nội hàm, ý nghĩa của những từ này nếu chưa được minh họa rõ ràng theo từng ví dụ.

IV. KẾT LUẬN

Với sự phát triển kinh tế xã hội không ngừng như hiện nay, rõ ràng là các từ điển có dung lượng từ 5.000 - 6.000 thật sự chưa xứng tầm, cần thu thập nhiều hơn nữa các thuật ngữ thông dụng thuộc các ngành nghề khác nhau, dĩ nhiên là loại trừ các thuật ngữ quá chuyên sâu. Mặt khác, cần xác định các tiêu chí về đơn vị từ của từ điển và đi đến việc phân xuất mục từ qua đối chiếu với ngôn ngữ đích.

Riêng về cấu trúc vĩ mô ở các từ điển mà chúng tôi đã khảo sát nhìn chung mới chỉ dừng lại ở việc tìm các đơn vị tương đương; các thông tin khác rất ít được chú ý, cần bám sát vào mục đích và đối tượng hướng tới của từ điển trong mối tương quan với thời gian cũng như kinh phí biên soạn từ điển để có sự điều chỉnh phù hợp các nội dung trình bày trong từng mục từ. Đây là điều mà chúng ta cần phải lưu tâm hơn cho những công trình biên soạn sắp tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trần Thanh Pôn (chủ biên), Sôrya. *Từ điển Việt - Khmer*. NXB Văn hóa dân tộc; 1995.
- [2] Trần Thanh Pôn (chủ biên), Sôrya. *Từ điển Khmer - Việt*. NXB Văn hóa dân tộc; 1996.
- [3] Ngô Chân Lý. *Từ vựng Khmer - Việt*. NXB Thông tấn; 2010.
- [4] Ngô Chân Lý. *Từ vựng Việt - Khmer*. NXB Thông tấn; 2010.

- [5] Hoàng học. *Từ điển Khome - Việt (hai tập)*. NXB Khoa học xã hội; 1977.
- [6] Nguyễn Hữu Hoành. Một số nhận xét bước đầu về từ điển Việt - Dân tộc. *Tạp chí Bách khoa thư và Từ điển học*. 2011;3.
- [7] Nguyễn Như Ý (chủ biên). *Đại từ điển tiếng Việt*. NXB Văn hóa thông tin; 1999.
- [8] Chuon Nath. *Từ điển Khmer*. Học viện Phật giáo Campuchia; 1967.
- [9] Hoàng học. *Từ điển Việt - Khome (hai tập)*. NXB Khoa học xã hội; 1977.
- [10] Sơn Phước Hoan (chủ biên). *Từ điển Việt - Khmer*. NXB Giáo dục; 2004.